| **Tiêu chí** | **Array** | **Set** |
| --- | --- | --- |
| **Thứ tự phần tử** | Có thứ tự (giữ nguyên thứ tự thêm vào) | Không đảm bảo thứ tự (trừ khi dùng LinkedHashSet) |
| **Phần tử trùng lặp** | Cho phép | Không cho phép trùng lặp |
| **Truy cập theo chỉ số** | Có (arr[0], arr[1]...) | Không thể truy cập theo chỉ số |
| **Tìm kiếm phần tử** | Phải duyệt tuần tự (O(n)) | Rất nhanh (O(1) trung bình với HashSet) |
| **Hiệu năng thêm/xóa** | Chậm hơn (với mảng cố định) | Nhanh hơn (với HashSet) |
| **Mục đích sử dụng** | Khi cần thứ tự, có thể trùng, xử lý theo index | Khi cần loại trùng và tìm kiếm nhanh |
| **Tốc độ sắp xếp** | Có thể sắp xếp dễ dàng | Cần chuyển về list nếu muốn sắp xếp |

Ví dụ:

Array:  
val arr = arrayOf(1, 2, 2, 3)

println(arr[1]) // 2

println(arr.size) // 4 (có phần tử trùng)  
  
Set:

val set = setOf(1, 2, 2, 3)

println(set.contains(2)) // true

println(set.size) // 3 (loại bỏ trùng)